

BÁO CÁO

**Sơ kết 03 năm thực hiện Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015
của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính,
chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch
và các văn bản hướng dẫn thi hành trên địa bàn tỉnh Bình Định**

Thực hiện Quyết định số 1144/QĐ-BTP ngày 22/5/2018 của Bộ Tư pháp ban hành Kế hoạch sơ kết 03 năm thực hiện Nghị định số 23/2015/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn thi hành; UBND tỉnh Bình Định báo cáo tình hình thực hiện công tác chứng thực theo quy định của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn thi hành trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

Để tổ chức triển khai Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch, UBND tỉnh Bình Định đã ban hành Quyết định số 1507/QĐ-UBND ngày 27/04/2015 về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính. Theo đó, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Tư pháp phối hợp với các sở, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai tuyên truyền, quán triệt nội dung cơ bản của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP đến cán bộ và người dân trên địa bàn tỉnh. Đồng thời, chỉ đạo Sở Tư pháp, Sở Nội vụ phối hợp với UBND các huyện, thị xã, thành phố thực hiện củng cố kiện toàn, bố trí đội ngũ cán bộ, công chức làm tác chứng thực tại Phòng Tư pháp và UBND cấp xã; thường xuyên tổ chức lớp các đạo tạo, bồi dưỡng, hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ công tác tư pháp, trong đó có bồi dưỡng nghiệp vụ công tác công tác chứng thực cho đội ngũ cán bộ, công chức của Phòng Tư pháp và UBND cấp xã. Trên cơ sở hướng dẫn của Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp, UBND tỉnh đã kịp thời chỉ đạo, hướng dẫn UBND cấp huyện, UBND cấp xã thực hiện đồng bộ, thống nhất Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực.

Thực hiện Kế hoạch của UBND tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố đã ban hành Kế hoạch cụ thể triển khai Nghị định số 23/2015/NĐ-CP tại địa phương mình; bố trí cán bộ, công chức có trình độ chuyên môn, trang bị cơ sở vật chất đảm bảo cho Phòng Tư pháp, UBND cấp xã thực hiện tốt công tác chứng thực, đồng thời chỉ đạo UBND các xã, phường, thị trấn cử cán bộ, công chức làm công tác tư pháp - hộ tịch tham gia các lớp bồi dưỡng, tập huấn do tỉnh tổ chức.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Công tác quản lý Nhà nước

Hoạt động công chứng, chứng thực nói chung và chứng thực nói riêng là những hoạt động có tác động và ảnh hưởng sâu rộng đến đời sống xã hội, tác động nhiều đến chủ trương cải cách thủ tục hành chính, cải cách tư pháp. Nhận thức được tầm quan trọng của hoạt động chứng thực, UBND tỉnh đã chỉ đạo các sở, ngành, Hội đồng PHPBGDPL, UBND các cấp huyện, cấp xã tích cực tuyên truyền phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật về chứng thực. Hàng năm, UBND tỉnh đã ban hành Chương trình kế hoạch phổ biến giáo dục pháp luật, trong đó có việc tuyên truyền, phổ biến các văn bản pháp luật về chứng thực để chỉ đạo, định hướng công tác tuyên truyền phổ biến pháp cho các sở, ngành của tỉnh và các địa phương. Các địa phương trong tỉnh và Hội đồng PHPBGDPL các cấp xây dựng kế hoạch và tập trung tuyên truyền, phổ biến pháp luật chứng thực; pháp luật dân sự; pháp luật đất đai cho toàn thể cán bộ, Nhân dân nhằm giúp các cấp, các ngành, các địa phương, các tổ chức chính trị, tổ chức đoàn thể nhận thức đúng vị trí, vai trò của công tác chứng thực trong đời sống xã hội; để mỗi người dân nắm vững thủ tục, quyền và trách nhiệm khi yêu cầu cơ quan có thẩm quyền thực hiện chứng thực khi có nhu cầu chứng thực, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về chứng thực.

Hàng năm, UBND tỉnh Bình Định đều tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ và thông qua các cuộc họp sơ kết, tổng kết ngành đã hướng dẫn trình tự thủ tục, thẩm quyền, kỹ năng và kinh nghiệm thực hiện chứng thực và phổ biến một số quy định mới pháp luật về dân sự; pháp luật về đất đai; pháp luật về nhà ở,... cho đội ngũ công chức tư pháp - hộ tịch cấp xã, công chức Phòng Tư pháp cấp huyện nhằm giúp cho đội ngũ cán bộ chứng thực đủ khả năng áp dụng đúng các quy định pháp luật về chứng thực.

Tại cấp huyện, cấp xã cũng duy trì thường xuyên chuyên mục “Pháp luật và đời sống” trên Đài truyền thanh địa phương; Hội đồng PPBGDPL cùng cấp tổ chức hàng nghìn đợt tuyên truyền các văn bản pháp luật mới ban hành, các chủ trương, chính sách phục vụ cho nhiệm vụ chính trị của địa phương và các văn bản pháp luật liên quan thiết thực đến đời sống của người dân như: Pháp luật về chứng thực; pháp luật về đất đai, pháp luật về nhà ở, pháp luật về dân sự,... cho hàng chục nghìn lượt người tại các thôn, làng, khu vực.

Ngoài ra, Sở Tư pháp thông qua hoạt động trợ giúp pháp lý, nhất là trợ giúp pháp lý lưu động, sinh hoạt các câu lạc bộ pháp luật và các câu lạc bộ trợ giúp pháp lý tại các xã, phường, thị trấn, Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước của Sở Tư pháp đã kịp thời tư vấn, phổ biến các văn bản pháp luật về chứng thực cho cán bộ, Nhân dân địa phương.

Công thanh tra hoạt động chứng thực: Trong năm 2016, Sở Tư pháp chỉ đạo Thanh tra Sở Tư pháp đã tổ chức 02 đợt thanh tra chuyên ngành về công tác chứng thực tại UBND xã Canh Thuận, UBND xã Canh Hiệp, UBND xã Canh Hiền thuộc huyện Vân Canh; UBND xã Phước Hòa, UBND xã Phước Hưng, UBND thị

trấn Tuy Phước huyện Tuy Phước. Trên cơ sở kết quả thanh tra tại các địa phương nói trên, Giám đốc Sở Tư pháp đã ban hành Kết luận số 415/KL-TTr ngày 15/07/2016 và Kết luận số 578/KL-Ttra ngày 03/10/2016, theo đó yêu cầu các địa phương được thanh tra khắc phục, chấn chỉnh những tồn tại, hạn chế, thiếu sót đối với công tác chứng thực các hợp đồng, giao dịch, góp phần tăng cường trật tự kỷ cương hành chính đối với công tác chứng thực tại địa phương.

Công kiểm tra hoạt động chứng thực: Để tăng cường chức năng quản lý Nhà nước đối với công tác chứng thực theo quy định của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch. Từ năm 2016 đến nay, Sở Tư pháp đã tiến hành 03 đợt kiểm công tác chứng thực tại 11 Phòng Tư pháp cấp huyện và 24 UBND cấp xã, với tổng số hơn 5000 hợp đồng, giao dịch đã được kiểm tra, cụ thể:

- Năm 2016 đã thực hiện kiểm tra công tác chứng thực tại 11 huyện, thị xã, thành phố và 11 UBND xã, phường, thị trấn;

- Năm 2017 đã tiến hành kiểm tra công tác chứng thực tại Phòng Tư pháp huyện An Lão, UBND xã An Hòa, UBND xã An Nghĩa, UBND xã An Quang huyện An Lão; Phòng Tư pháp huyện Hoài Nhơn, UBND xã Hoài Phú, UBND xã Hoài Hương, UBND xã Hoài Đức huyện Hoài Nhơn;

- Năm 2018 đã tiến hành kiểm tra công tác chứng thực tại Phòng Tư pháp huyện Phù Cát, UBND xã Cát Lâm, UBND xã Cát Hiệp, UBND xã Cát Sơn huyện Phù Cát; Phòng Tư pháp thị xã An Nhơn, UBND phường Đập Đá, UBND phường Nhơn Thành, UBND xã Nhơn Lộc thị xã An Nhơn.

Trên cơ sở kết quả kiểm tra, Sở Tư pháp đã ban hành các văn bản kết luận gửi đến các địa phương, đơn vị được kiểm tra và UBND huyện, thị xã, thành phố đề yêu cầu, kiến nghị các địa phương, đơn vị khắc phục những tồn tại, hạn chế, sai sót của công tác chứng thực. Qua đó góp phần nâng cao ý thức, trách nhiệm của cán bộ, công chức làm công tác chứng thực trên địa bàn tỉnh.

2. Việc giải quyết các yêu cầu chứng thực

a) Đánh giá đầy đủ việc giải quyết các yêu cầu chứng thực theo quy định của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP

- Một số quy định của pháp luật có liên quan đến lĩnh vực chứng thực chưa được quy định rõ ràng, cụ thể, chưa đảm bảo đồng bộ, thống nhất trong hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật. Cụ thể như sau:

- + Theo Điều 25 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ quy định không được chứng thực những loại giấy tờ, văn bản có nội dung là hợp đồng, giao dịch. Tuy nhiên, tại Điểm b, Khoản 1, Điều 6 Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/07/2010 của Bộ Giao thông vận tải quy định về mẫu Giấy bán, cho, tặng xe chuyên dùng quy định: “UBND cấp xã nơi người bán, cho, tặng xe đăng ký thường trú chứng thực chữ ký của người bán, cho, tặng xe”; tại Điểm g, Khoản 1, Điều 10 Thông tư số 15/2014/TT-BCA ngày 04/4/2015 của Bộ

Công an quy định: “Giấy bán, cho, tặng xe của cá nhân phải có công chứng theo quy định của pháp luật về công chứng hoặc chứng thực của UBND cấp xã đối với chữ ký của người bán, cho, tặng xe theo quy định pháp luật về Chứng thực”, theo quy định của 02 Thông tư trên cho phép việc mua bán, cho, tặng xe máy chuyên dùng, ô tô, xe máy (về bản chất là một loại hợp đồng, giao dịch dân sự) được thực hiện thủ tục chứng thực chữ ký. Do đó, Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT và Thông tư số 15/2014/TT-BCA không phù hợp, thống nhất với Nghị định số 23/2015/NĐ-CP.

+ Về trình tự, thủ tục chứng thực hợp đồng, giao dịch, tại Khoản 1 Điều 36 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ quy định: “Người yêu cầu chứng thực nộp 01 (một) bộ hồ sơ yêu cầu chứng thực, gồm các giấy tờ sau đây: dự thảo hợp đồng, giao dịch; Bản sao Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu còn giá trị sử dụng của người yêu cầu chứng thực; Bản sao giấy chứng nhận quyền sở hữu, quyền sử dụng hoặc bản sao giấy tờ thay thế được pháp luật quy định đối với tài sản mà pháp luật quy định phải đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng trong trường hợp hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản đó”. Quy định thủ tục chứng thực hợp đồng, giao dịch như trên không cụ thể, rõ ràng đã gây khó khăn, lúng túng cho việc tiếp nhận, xử lý, giải quyết hồ sơ yêu cầu chứng thực các hợp đồng, giao dịch; rất dẫn đến việc sai sót của cán bộ, công chức làm công tác chứng thực.

+ Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ chưa quy định cụ thể, rõ ràng về trình tự, thủ tục chứng thực văn bản thuận thỏa thuận phân chia di sản, văn bản từ chối nhận di sản, văn bản khai nhận di sản. Do đó gây khó khăn, lúng túng cho Phòng Tư pháp, UBND cấp xã khi giải quyết hồ sơ yêu cầu chứng thực các loại giao dịch trên.

+ Tại Khoản 3 Điều 25 Nghị định 23/2015/NĐ-CP quy định: “Không được chứng thực chữ ký nếu giấy tờ, văn bản mà người yêu cầu chứng thực ký vào có nội dung trái pháp luật, đạo đức xã hội, tuyên truyền, kích động chiến tranh, chống chế độ XHCN Việt Nam; xuyên tạc lịch sử dân tộc Việt Nam; xúc phạm danh dự, nhân phẩm, uy tín của cá nhân, tổ chức; vi phạm quyền công dân”. Quy định này sẽ không phát sinh vướng mắc, nếu giấy tờ, văn bản mà người yêu cầu chứng thực được lập bằng tiếng Việt. Tuy nhiên, nếu giấy tờ, văn bản đó được lập bằng tiếng nước ngoài thì người thực hiện chứng thực khó có thể hiểu được nội dung của giấy tờ, văn bản yêu cầu chứng thực để giải quyết hay từ chối thực hiện chứng thực, do đó rất dẫn đến việc người thực hiện chứng thực vi phạm điều cấm theo quy định.

- Để tổ chức triển khai quán triệt Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 20/6/2014 của Thủ tướng Chính phủ về một số biện pháp chấn chỉnh tình trạng lạm dụng yêu cầu nộp bản sao có chứng thực đối với giấy tờ, văn bản khi thực hiện thủ tục hành chính, UBND tỉnh đã ban hành Công văn số 4141/UBND-NC ngày 19/9/2014 chỉ đạo các sở, ban, ngành thuộc tỉnh và Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố yêu cầu các cơ quan, đơn vị trực thuộc chấn chỉnh tình trạng lạm dụng yêu cầu nộp bản sao có chứng thực đối với giấy tờ, văn bản khi giải quyết thủ tục hành chính cho công dân.

- Công tác lưu trữ hồ sơ thực hiện chứng thực tại các cơ quan có thẩm quyền chứng thực Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ và Thông tư số 20/2015/TT-BTP ngày 29/12/2015 của Bộ Tư pháp; Phòng Tư pháp, UBND các xã, phường, thị trấn trong tỉnh đã mở các loại sổ theo mẫu của Bộ Tư pháp để theo dõi từng vụ việc chứng thực, ví dụ: Sổ chứng thực bản sao, sổ hợp đồng, giao dịch,... cuối năm đều thực hiện khóa sổ theo đúng quy định. Cùng với việc mở sổ theo dõi, các đơn vị lập hồ riêng cho từng vụ việc và được lưu trữ theo từng năm. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện công tác văn thư, lưu trữ ở tại các Phòng Tư pháp, UBND cấp xã còn một số hạn chế, bất cập như: Một số cơ quan chưa bố trí kho lưu trữ; tài liệu chưa được chỉnh lý, sắp xếp khoa học; cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho công tác văn thư, lưu trữ chưa đáp ứng được yêu cầu; chưa ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác văn thư, lưu trữ.

b. Thống kê kết quả thực hiện công tác chứng thực

(Có số liệu thống kê cụ thể kết quả thực hiện công tác chứng thực trên địa bàn tỉnh Bình Định theo biểu mẫu số 17C ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BTP ngày 03/03/2016 của Bộ Tư pháp)

3. Những khó khăn, vướng mắc

Hoạt động chứng thực cho đến nay đã đi vào nền nếp, đội ngũ thực hiện công tác chứng thực đã quen với công việc, trình tự, thủ tục được niêm yết công khai tại nơi tiếp công dân và được công bố công khai trên cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh, Sở Tư pháp. Hoạt động chứng thực đã phát huy được hiệu quả, đáp ứng nhu cầu chứng thực ngày càng tăng của công dân và các tổ chức, góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác chứng thực còn một số vướng mắc, khó khăn, bất cập, như sau:

- Biên chế, cơ sở vật chất ở một số địa phương còn hạn chế; trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kinh nghiệm của một số công chức Tư pháp - Hộ tịch chưa đáp ứng với nhiệm vụ trong giai đoạn mới.

- Công tác tư pháp nói chung, chứng thực nói riêng ngày càng nhiều và phức tạp, nhưng Nhà nước chưa có chính sách, chế độ đãi ngộ đối với đội ngũ công chức Tư pháp - Hộ tịch để động viên, khuyến khích đội ngũ này an tâm công tác, yêu ngành, yêu nghề...

- Một số cấp ủy, chính quyền địa phương chưa đánh giá chưa đúng về vai trò, vị trí của công tác chứng thực nên chưa quan tâm đầu tư nguồn lực cho công tác chứng thực. Sự phối hợp giữa các đơn vị liên quan có lúc, có nơi chưa đồng bộ, thiếu chặt chẽ còn mang tính sự vụ, không thường xuyên.

- Lĩnh vực chứng thực cùng lúc chịu sự điều chỉnh bởi nhiều văn bản quy phạm pháp luật như Bộ luật Dân sự, Luật Đất đai, Luật Nhà ở, Luật Hôn nhân và gia đình và rất nhiều các Nghị định, Thông tư quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành, dó đó gây khó khăn trong quá trình nghiên cứu và áp dụng trong thực tiễn; một số quy định của pháp luật có liên quan đến lĩnh vực chứng thực chưa được quy

định rõ ràng, cụ thể, đồng bộ nhưng các Bộ, ngành Trung ương chậm hướng dẫn thực hiện.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

- Đề nghị Bộ Tư pháp tham mưu cho Chính phủ trình Quốc hội ban hành Luật Chứng thực.

- Đề nghị Bộ Tư pháp kiến nghị Bộ Tài chính cần có quy định trích tỷ phần trăm để lại từ nguồn thu lệ phí chứng thực, để thực hiện chế độ đãi ngộ, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức trực tiếp làm công tác chứng thực, nhằm động viên, khuyến khích họ làm việc.

- Đề nghị Bộ Tư pháp kiến nghị Bộ Giao thông vận tải, Bộ Công an cần thiết sửa đổi Điểm b, Khoản 1, Điều 6 Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/07/2010 của Bộ Giao thông vận tải quy định về mẫu Giấy bán, cho, tặng xe chuyên dùng và Điểm g, Khoản 1, Điều 10 Thông tư số 15/2014/TT-BCA ngày 04/4/2015 của Bộ Công an nhằm đảm bảo phù hợp nguyên tắc Bộ luật Dân sự năm 2015 và Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ.

- Đề nghị Bộ Tư pháp cần có giải pháp để bổ sung, hoàn thiện Nghị định số 23/2015/NĐ-CP của Chính phủ, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ, công chức làm công tác chứng thực của Phòng Tư pháp, UBND cấp xã giải quyết hồ sơ cho công dân nhanh chóng, thuận lợi, chính xác và hiệu quả hơn. Đồng thời, hàng năm có kế hoạch tổ chức bồi dưỡng, hướng dẫn nghiệp vụ chuyên môn về chứng thực nhằm tháo gỡ những vướng mắc, khó khăn trong thực tiễn, nâng cao nghiệp vụ cho đội ngũ công chức Tư pháp thực hiện công tác chứng thực.

Trên đây Báo cáo sơ kết 03 năm thực hiện Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch và các văn bản hướng dẫn thi hành trên địa bàn tỉnh, UBND tỉnh Bình Định kính báo cáo để Bộ Tư pháp đề theo dõi, tổng hợp./.

Nơi nhận:

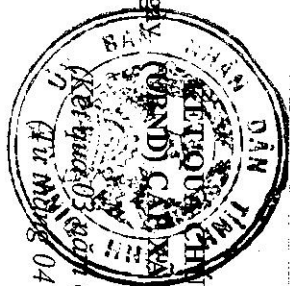
- Bộ Tư pháp;
- CT, PCT Nguyễn Phi Long;
- Sở Tư pháp;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K2.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Phi Long

Biểu số: 17c/BTP/HTQTCT/CT
Ban hành theo Thông tư số 04/2016/TT-BTP ngày 03/3/2016
Ngày nhận báo cáo (BC):



CHỦ TỊCH CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN
PHÒNG TƯ PHÁP TRÊN ĐỊA BÀN
TỈNH
(Kế hoạch 03 năm công tác chứng thực cấp huyện, cấp xã)
(Từ tháng 04 năm 2015 đến tháng 06 năm 2018)

Đơn vị báo cáo:
Sở Tư pháp tỉnh Bình Định
Đơn vị nhận báo cáo:
Bộ Tư pháp (Vụ Kế hoạch - Tài chính)

I. KẾT QUẢ CHỨNG THỰC TẠI CÁC PHÒNG TƯ PHÁP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

		Số việc chứng thực		Chứng thực chữ ký người		Chứng thực hợp đồng, giao	
		Tổng số		tờ, văn bản		dịch	
A	B	Số bản (Bản)	Số lệ phí (Đồng)	Số việc (Việc)	Số lệ phí (Đồng)	Số việc (Việc)	Số lệ phí (Đồng)
Tổng số	Thực hiện	71455	297,059,000	13,751	154,510,000	48	540,000
Phòng Tư pháp thành phố Quy Nhơn	Thực hiện	37,111	151,000,000	13,084	130,840,000	0	13,084
Phòng Tư pháp huyện Tuy Phước	Thực hiện	2,624	7,156,000	40	3,410,000	7	130,000
Phòng Tư pháp huyện Văn Canh	Thực hiện	602	2,266,000	37	4,530,000	0	0
Phòng Tư pháp thị xã An Nhơn	Thực hiện	732	1,464,000	51	5,340,000	0	0
Phòng Tư pháp huyện Phù Cát	Thực hiện	3,272	9,655,000	0	0	0	0
Phòng Tư pháp huyện Phù Mỹ	Thực hiện	2,122	4,244,000	0	0	0	0
Phòng Tư pháp huyện Hoài Nhơn	Thực hiện	2,495	12,425,000	362	3,860,000	21	210,000
Phòng Tư pháp huyện Hoài Ân	Thực hiện	445	2,690,000	0	0	0	0
Phòng Tư pháp huyện An Lão	Thực hiện	6,072	47,918,000	90	3,570,000	5	50,000
Phòng Tư pháp huyện Tây Sơn	Thực hiện	369	2,017,000	0	0	0	0
Phòng Tư pháp huyện Vĩnh Thạnh	Thực hiện	15,611	56,224,000	87	2,960,000	15	150,000

II. KẾT QUẢ CHỨNG THỰC TẠI CÁC UBND CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

		Số việc chứng thực						Chứng thực hợp đồng, giao dịch	
		Chứng thực bản sao		Tổng số		Chứng thực chữ ký trong giấy tờ, văn bản			
		Số bản (Bản)	Số lệ phí (Đồng)	Số việc (Việc)	Số lệ phí (Đồng)	Số việc (Việc)	Số lệ phí (Đồng)	Số việc (Việc)	Số lệ phí (Đồng)
A	B	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Tổng số	Thực hiện	3,699,837	14,322,304,800	121,507	3,079,373,059	74,182	922,916,880	44,769	2,175,343,000
Thành phố Quy Nhơn	Thực hiện	1,270,014	4,947,239,000	38,370	551,870,000	38,175	542,870,000	195	9,000,000
Huyện Tuy Phước	Thực hiện	237,862	1,021,785,000	11,493	370,694,000	4,544	45,440,000	6,949	325,254,000
Huyện Vân Canh	Thực hiện	60,313	275,118,000	4,338	112,690,000	1,751	10,260,000	1,950	93,502,000
Thị xã An Nhơn	Thực hiện	137,638	376,906,000	5,145	119,465,464	212	21,200,000	3,025	183,644,000
Huyện Phù Cát	Thực hiện	495,721	1,681,470,000	16,960	530,447,000	8,040	80,400,000	8,920	450,047,000
Huyện Phù Mỹ	Thực hiện	139,713	279,426,000	3,341	649,700,000	1,772	17,720,000	1,569	47,070,000
Huyện Hoài Nhơn	Thực hiện	594,224	2,207,128,800	16,953	449,783,000	8,715	104,710,000	8,238	345,073,000
Huyện An Lão	Thực hiện	56,874	463,022,000	2,220	51,320,000	1,580	24,564,000	640	26,756,000
Huyện Hoài Ân	Thực hiện	278,796	1,832,077,000	7,982	164,993,000	5,499	56,791,000	2,472	117,352,000
Huyện Tây Sơn	Thực hiện	308,775	911,252,000	11,668	540,595	2,309	21,880	9,359	518,715,000
Huyện Vĩnh Thạnh	Thực hiện	119,907	326,881,000	3,037	77,870,000	1,585	18,940,000	1,452	58,930,000